TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-PT.
Ngày: 01/3/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha
Các thẩm phán: Ông Phạm Đình Thi
Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số: 85/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1946.

Địa chỉ: ấp ST, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp HT, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Bùi Văn T trình bày: Trước đây vào ngày 08/3/2010 âm lịch ông có cho ông Nguyễn Hồng H vay số tiền 9.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Khi vay hai bên có làm biên nhận, ông H hẹn đến vụ Hè thu năm 2010 sẽ trả hết số tiền gốc và lãi một lần. Tuy nhiên sau đó ông H không

thực hiện đúng như thỏa thuận, đến nay vẫn chưa trả gốc và lãi được lần nào. Nay số nợ đã lâu nên ông yêu cầu ông H phải trả cho ông số tiền vay còn nợ 9.000.000 đồng cùng với tiền lãi tính từ tháng 4/2011 đến tháng 5/2018, lãi suất 1,125%, thành tiền là 8.606.250 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 15.606.250 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn ông Nguyễn Hồng H trình bày: Ông thừa nhận vào năm 2011 ông có vay của ông Bùi Văn T số tiền 9.000.000 đồng, ông thừa nhận tờ biên nhận mà ông T cung cấp là đúng chữ viết và chữ ký của ông nhưng ông đã trả số tiền trên cho ông T đã lâu, việc trả tiền cho ông T diễn ra nhiều lần, do thời gian đã lâu nên ông không nhớ cụ thể khi nào, các lần ông trả tiền hai bên cũng không làm biên nhận với nhau do là chỗ quen biết. Nay ông T yêu cầu ông phải trả số tiền vay gốc và lãi 15.606.250 đồng ông không đồng ý do ông không còn nợ tiền ông T. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn T .

- Buộc ông Nguyễn Hồng H phải trả cho ông Bùi Văn T số tiền vay còn nợ tổng cộng 15.606.000 đồng. Trong đó gốc là 9.000.000 đồng và tiền lãi 8.606.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Đến ngày 14/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có Quyết định kháng nghị số 11/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị Bản án sơ thẩm với nội dung:

Đối với số tiền lãi 6.606.000 đồng tính từ tháng 4/2011 đến tháng 5/2018 bản án sơ thẩm buộc ông H phải trả cho ông T là không đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, vì thời hiệu yêu cầu thanh toán lãi đã hết. Ngoài ra ông T chỉ yêu cầu ông H trả tổng cộng 15.606.000 đồng, trong đó tiền gốc 9.000.000 đồng và lãi 6.606.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận ý kiến của ông T về phần này nhưng trong phần quyết định vẫn ghi tiền lãi 8.606.000 đồng là có sai sót.

Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc ông Nguyễn Hồng H trả cho ông Bùi Văn T số tiền 9.000.000 đồng và tính lại án phí đương sự phải nộp theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Việc tuân tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự từ khi thụ lý vụ án

đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm ông T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi, việc rút một phần khởi kiện của ông T là tự nguyện nhưng trong quá trình thụ lý và đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm bị đơn vắng mặt không có lý do nên chưa và không có ý kiến. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ nguyên nội dung kháng nghị .

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, buộc bị đơn ông H trả cho ông T số tiền nợ gốc 9.000.000 đồng và án phí đương sự phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hồng H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ hai lần của Tòa án. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt đối với ông Bùi Văn T, ông Nguyễn Hồng H là phù hợp với pháp luật.

[2]. Về nội dung: Ông T và ông H thống nhất vào ngày 08/3/2010 (âm lịch) ông T có cho ông H vay số tiền 9.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, ông H hẹn đến vụ hè thu năm 2010 sẽ trả vốn và lãi cho ông T. Ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả cho ông tiền gốc và lãi tổng cộng là 15.606.250 đồng. Ông H cho rằng ông đã trả số tiền vay cho ông T nhiều lần nhưng do quen biết nên hai bên không làm biên nhận. Tại cấp sơ thẩm ông T cung cấp biên nhận do ông H viết và ký tên vay 9.000.000 đồng ngày 08/3/2010 (âm lịch), ông H cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận là của ông H và cho rằng đã trả đủ số tiền vay cho ông T nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả tiền. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn ông T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, ông T chỉ yêu cầu ông H trả cho ông số tiền vay gốc 9.000.000 đồng. Căn cứ Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi bị đơn có đồng ý hay không, bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Hồng H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm và không có ý kiến đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi của nguyên đơn. Do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần khởi kiện của ông T về phần tiền lãi đối với ông H.

[3]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Hội đồng xét xử xét thấy: ông T cho ông H vay 9.000.000 đồng vào ngày 08/3/2010 âm lịch, hai bên thỏa thuận đến vụ hè thu năm 2010 ông H sẽ trả gốc và lãi, như vậy tính đến ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 08/6/2018 thì thời hiệu yêu cầu thanh toán lãi đã hết theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T xác định ông yêu cầu ông H trả tiền lãi là 6.606.000 đồng nhưng bản án sơ thẩm tuyên buộc ông H trả cho ông T số tiền lãi 8.606.000 đồng là có sai sót, nhưng việc sai sót số tiền lãi đã tính này thì đã được nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi.

Do vậy trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị đơn ông H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 9.000.000đ x 5% = 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 375.000 đồng theo biên lai của cơ quan thi hành án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp, do viện kiểm sát kháng nghị bản án sơ thẩm, áp dụng khoản điểm d, khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 473, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T đối với ông Nguyễn Hồng H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Nguyễn Hồng H phải có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn T số tiền vay gốc còn nợ là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3.Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hồng H phải nộp án phí là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho ông Bùi Văn T số tiền tạm ứng án phí 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) ông Bùi Văn T đã nộp theo biên lai số 0003517 ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện HĐ;
- Chi cục THADS huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bá Kha

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện HĐ;
- Chi cục THADS huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hường

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Võ Văn Lịnh **Ngô Thị Minh Trang** **Nguyễn Thị Kim Hường**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hường